

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/HNGĐ – ST
Ngày: 16 - 9 - 2025.
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Hải;
2. Ông Nguyễn Lâm Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Danh – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14 - An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 - An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 280/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 295/2025/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Neang Q, sinh năm 1995; nơi cư trú: tổ F, ấp V, xã A, tỉnh An Giang;

- *Bị đơn:* Ông Chau Đa G, sinh năm 1996; nơi cư trú: tổ G, ấp T, phường C, tỉnh An Giang.

(Bà Q có đơn xin vắng mặt, ông G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Neang Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Neang Q và ông Chau Đa G do quen biết tìm hiểu, có làm đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 23/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã A, tỉnh An Giang). Thời gian chung sống hạnh phúc sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm đã lâu, vợ chồng cũng đã ly thân từ tháng 05/2025 đến nay. Nhận thấy không còn tình cảm với ông G, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Chau Đa G.

- Về con chung, cấp dưỡng: Vợ chồng 02 con chung là cháu Neang Chanh Ry N, sinh ngày 28/7/2018 và cháu Neang Đa L, sinh ngày 25/9/2019; Bà Q đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đa L; Ông Đa G đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ry Na. Sau khi ly hôn, bà Q yêu cầu ổn định chỗ ở cho hai con, bà Q tiếp tục nuôi cháu Đa L đồng ý giao cháu Ry N cho ông Đa G tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Q không yêu cầu cản bà và ông Đa G không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Nguyên đơn bà Neang Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Chau Đa G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Neang Q và ông Chau Đa G là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Neang Q đối với ông Chau Đa G; Về con chung: Giao con chung chưa thành niên của ông bà là cháu Neang Chanh Ry N, sinh ngày 28/7/2018 cho ông Đa G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung chưa thành niên của là cháu Neang Đa L, sinh ngày 25/9/2019 cho bà Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Q và ông G không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Tranh chấp giữa bà Neang Q đối với ông Chau Đa G là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 14 – An Giang thụ lý giải quyết.

Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, bà Neang Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Chau Đa G đã nhận được các văn bản tố tụng của tòa án nhưng không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Q, ông Đa G là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Neang Q và ông Chau Đa G tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 23/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã A, tỉnh An Giang) nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 05/2025 thì ly thân. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cự cãi, không còn tiếng nói chung, thời gian ly thân đã lâu, bà Neang Q yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với ông Chau Đa G. Ông Chau Đa G đã được Tòa án nhiều lần triệu tập. Tuy nhiên, ông không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông Đa G đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự cũng đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên nguyên đơn và tạo thêm thời gian để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của nguyên đơn dành cho chồng đã không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà Q1 yêu cầu được ly hôn với ông Đa G là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Neang Q và ông Chau Đa G. Có hai con chung chưa thành niên tên Neang Chanh Ry N, sinh ngày 28/7/2018 và Neang Đa L, sinh ngày 25/9/2019. Bà Q đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đa L; Ông Đa G đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ry Na. Sau khi ly hôn, bà Q yêu cầu ổn định chỗ ở cho hai con, bà Q tiếp tục nuôi cháu Đa L đồng ý giao cháu Ry N cho ông Đa G tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Q không yêu cầu cản bà và ông Đa G không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trên cơ sở nguyện vọng của bà Q để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống của trẻ hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung chưa thành niên của bà Q và ông Đa G là cháu Neang Đa L, sinh ngày 25/9/2019 cho bà Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung chưa thành niên của bà Q và ông Đa G là cháu Neang Chanh Ry N, sinh ngày 28/7/2018 cho

ông Đ Ga chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Q và ông Đa G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đây là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên do bà Q không yêu cầu ông Đa G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Bị đơn không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Q phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 179; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Neang Q và bị đơn ông Chau Đa G.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Neang Q được ly hôn với ông Chau Đa G.

2. Về con chung: Bà Neang Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên của bà Q và ông Đa G là cháu Neang Đa L, sinh ngày

25/9/2019. Ông Chau Đa G được tiếp tục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên của bà Q và ông Đa G là cháu Neang Chanh Ry N, sinh ngày 28/7/2018.

Bà Q và ông Đa G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Bà Neang Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 17996 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 14 – An Giang. Bà Q đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 14 – An Giang;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 14 – An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ./.

- **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Trang